

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Thuận	3471010323	31/03/1992	3,10	4,30	3,90	
2	Vũ Nhật	Hoàng	3671040011	06/04/1994	7,00	2,90	4,10	
3	Hân Tấn	Sinh	3671040012	08/10/1991	5,00	2,50	3,30	
4	Đình Công	Hậu	3671040020	18/11/1994	8,50	1,90	3,90	
5	Nguyễn Ngọc Hải	My	3671040028	03/07/1994	5,60	,00	1,70	
6	Nguyễn Ngọc	Nam	3671040029	02/07/1994	5,00	,00	1,50	
7	Trương Nguyễn Đức	Vinh	3671040041	12/07/1993	6,50	3,90	4,70	
8	Nguyễn Văn	Công	3671040051	08/01/1994	5,50	1,60	2,80	
9	Phạm Trung	Hà	3671040080	04/09/1994	5,10	2,30	3,10	
10	Nguyễn Anh	Khang	3671040086	16/11/1994	4,50	,00	1,40	
11	Trương Hoàn	Lâm	3671040087	02/09/1994	4,50	,00	1,40	
12	Phan Văn	Thắng	3671040103	17/09/1994	4,20	,00	1,30	
13	Trần Văn	Dân	3671040118	22/07/1994	8,30	3,30	4,80	
14	Nguyễn Hồng	Dưỡng	3671040124	18/11/1994	4,50	2,70	3,20	
15	Mai Thế	Huy	3671040126	25/09/1993	7,80	3,50	4,80	
16	Nguyễn Hữu	Thường	3671040140	21/06/1993	5,00	3,20	3,70	
17	Lê Thanh	Tú	3671040162	10/04/1993	6,40	,00	1,90	
18	Ngô Văn	Hai	3671040180	24/01/1994	8,40	5,10	6,10	
19	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994	6,50	,00	2,00	
20	Trần Thanh	Thịnh	3671040199	22/12/1994	8,00	,00	2,40	
21	Tạ Đình	Kha	3671040204	30/05/1994	6,90	3,10	4,20	
22	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	3671040211	22/02/1994	3,80	,00	1,10	
23	Hoàng Xuân	Nam	3671040213	28/10/1994	5,90	3,70	4,40	
24	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994	6,40	2,20	3,50	
25	Nguyễn Văn	Đệ	3671040218	06/11/1994	6,70	4,80	5,40	
26	Trần Bùi Trung	Kiên	3671040221	25/04/1992	2,80	,00	,80	
27	Nguyễn Hữu	Hiền	3671040230	01/06/1994	6,80	4,00	4,80	
28	Lê Duy	Khang	3671040262	11/01/1994	4,20	2,20	2,80	
29	Bùi Văn	Vũ	3671040278	04/06/1992	,00	,00	,00	
30	Nguyễn Quang	Trại	3671040280	10/06/1994	8,50	4,00	5,40	
31	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	,00	4,80	3,40	
32	Biện Hữu	Kha	3671040320	20/05/1994	7,90	5,20	6,00	
33	Nguyễn Đức	Mạnh	3671040465	15/04/1992	4,20	4,10	4,10	
34	Bùi Văn	Nhân	3671040680	05/06/1994	,00	,00	,00	
35	Nguyễn Nguyên	Vũ	3671041645	10/05/1994	1,70	,00	,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Âu Tấn	Lực	3671041954	26/10/1994	3,20	,00	1,00	
37	Nguyễn Hữu	Cơ	3671041981	20/04/1994	5,30	3,00	3,70	
38	Lê Minh	Thành	3671041986	20/05/1994	3,50	2,40	2,70	
39	Nguyễn Thọ	Hoan	3671042003	20/12/1994	5,70	,00	1,70	
40	Huỳnh Tấn	Lâm	3671042021	02/10/1994	2,00	,00	,60	
41	Nguyễn Hồng	Sơn	3671042032	16/10/1992	,00	,00	,00	
42	Trần Việt	Nhân	3671042051	21/06/1994	1,80	,00	,50	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)